ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH LINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70 /TB-UBND	*Vĩnh Linh, ngày 15 tháng 10 năm 2025*

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Linh
(*đợt 1, từ ngày 22/7/2025 đến ngày 20/8/2025*)

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ về quy định hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

UBND xã Vĩnh Linh đã triển khai và có 290 cơ sở chăn nuôi nộp Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở chăn nuôi (*đợt 1, từ ngày 20/7/2025 đến ngày 20/8/2025*) theo đúng quy định.

Để việc đề xuất hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đảm bảo dân chủ, công khai, UBND xã Vĩnh Linh thông báo:

1. Nội dung: Niêm yết công khai danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Linh (*đợt 1, từ ngày 22/7/2025 đến ngày 20/8/2025*) (*Có danh sách chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 15/10/2025 đến hết ngày 19/10/2025.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Vĩnh Linh (*Bảng niêm yết công khai)*; Nhà văn hóa 21 thôn: Chấp Nam, Bình An, Gia Lâm, Hoà Nam, Hoà Phú, Hữu Nghị, Nhà Tài, Phú Thị Đông, Phúc Lâm, Quảng Xá, Sa Bắc, Sa Nam, Tân Lập, Thành Công, Thôn 5, Thôn 7, Thôn 8, Thôn 9, Trung Lập, Vĩnh Tiến, Xóm Mội và Trang thông tin điện tử của xã.

4. Kiến nghị, phản ánh: Trong thời gian niêm yết, nếu các tổ chức, cá nhân có ý kiến kiến nghị, phản ánh, đề nghị gửi văn bản trực tiếp về UBND xã Vĩnh Linh *(qua Phòng Kinh tế)* để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Sau thời gian niêm yết *(đến hết ngày 19/10/2025)* nếu không có kiến nghị, phản ánh về bảng tổng hợp danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Linh (*đợt 1, từ ngày 22/7/2025 đến ngày 20/8/2025*) thì UBND xã sẽ lập hồ sơ gửi UBND tỉnh và các sở, ngành đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở chăn nuôi.

UBND xã Vĩnh Linh thông báo để nhân dân được biết và theo dõi./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- TT VHTT&TDTT (đăng trên Trang TTĐT);
- TTPVHCC (Niêm yết công khai);
- Trưởng các thôn có liên quan (Thông báo trên loa phát thanh);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Lan Hương

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CƠ SỞ CHĂN NUÔI BỊ THIỆT HẠI DO DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến ngày 20 tháng 8 năm 2025)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 70 /TB-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Linh)

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ		
			Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ	NSĐP đảm bảo
			Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
TỔNG CỘNG			**2.976**	**192.297**	**7.691.880.000**		
Thôn Bình An			**1**	**80**	**3.200.000**		
1	Bình An	Nguyễn Đăng Cống	1	80	3.200.000		
Thôn Chấp Nam			**39**	**1.399**	**55.960.000**		
2	Chấp Nam	Hoàng Thị Lý	8	680	27.200.000		
3	Chấp Nam	Nguyễn Hữu Giảm	31	719	28.760.000		
Thôn Gia Lâm			**381**	**23.455**	**938.200.000**		
4	Gia Lâm	Cao Thị Thúy	8	580	23.200.000		
5	Gia Lâm	Đặng Sỹ Tuân	4	300	12.000.000		
6	Gia Lâm	Đỗ Công Khánh	3	545	21.800.000		
7	Gia Lâm	Hồ Thị Bông	4	850	34.000.000		
8	Gia Lâm	Hồ Thị Thắm	3	590	23.600.000		
9	Gia Lâm	Lê Thanh Minh	8	525	21.000.000		
10	Gia Lâm	Lê Thanh Sinh	4	490	19.600.000		

11	Gia Lâm	Lê Thị Cúc	10	415	16.600.000		
12	Gia Lâm	Lê Thị Luận	5	391	15.640.000		
13	Gia Lâm	Lê Thị Lý	2	84	3.360.000		
14	Gia Lâm	Lê Thị Vân	4	154	6.160.000		
15	Gia Lâm	Lê Viết Hải	3	120	4.800.000		
16	Gia Lâm	Nguyễn Hữu An	20	1906	76.240.000		
17	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Cương	3	454	18.160.000		
18	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Dương	1	83	3.320.000		
19	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Lân	16	602	24.080.000		
20	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Mến	3	495	19.800.000		
21	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Ninh	6	495	19.800.000		
22	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Quyết	14	538	21.520.000		
23	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Thành	12	470	18.800.000		
24	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Tiên	3	127	5.080.000		
25	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Tiến	3	345	13.800.000		
26	Gia Lâm	Nguyễn Hữu Toàn	4	500	20.000.000		
27	Gia Lâm	Nguyễn Thị Cảnh	3	487	19.480.000		
28	Gia Lâm	Nguyễn Thị Cúc	5	325	13.000.000		
29	Gia Lâm	Nguyễn Thị Điu	3	417	16.680.000		
30	Gia Lâm	Nguyễn Thị Hồng	2	120	4.800.000		
31	Gia Lâm	Nguyễn Thị Hương	3	156	6.240.000		
32	Gia Lâm	Nguyễn Thị Thuý Lan	2	64	2.560.000		
33	Gia Lâm	Nguyễn Thị Lệ	2	169	6.760.000		
34	Gia Lâm	Nguyễn Thị Loan	4	350	14.000.000		
35	Gia Lâm	Nguyễn Thị Quyển	2	208	8.320.000		

36	Gia Lâm	Nguyễn Văn Đại	6	450	18.000.000		
37	Gia Lâm	Phạm Thị Trà Ny	16	750	30.000.000		
38	Gia Lâm	Trần Đình Thắng	60	3199	127.960.000		
39	Gia Lâm	Trần Minh Phượng	11	323	12.920.000		
40	Gia Lâm	Trần Thị Tuyết Mai	24	975	39.000.000		
41	Gia Lâm	Trần Thị Hậu	5	550	22.000.000		
42	Gia Lâm	Trần Thị Nguyệt	3	500	20.000.000		
43	Gia Lâm	Trần Đức Hòe	5	725	29.000.000		
44	Gia Lâm	Võ Thị Nhài	33	648	25.920.000		
45	Gia Lâm	Võ Thị Quyên	5	380	15.200.000		
46	Gia Lâm	Võ Văn Cân	19	930	37.200.000		
47	Gia Lâm	Võ Văn Nậy	11	295	11.800.000		
48	Gia Lâm	Võ Thị Hồng	14	375	15.000.000		
Thôn Hoà Nam			**239**	**13.364**	**534.560.000**		
49	Hòa Nam	Dương Thị Nguyện	2	145	5.800.000		
50	Hòa Nam	Hà Văn Minh	17	474	18.960.000		
51	Hòa Nam	Hồ Chí Thuyết	3	155	6.200.000		
52	Hòa Nam	Hồ Ngọc Hợp	1	195	7.800.000		
53	Hòa Nam	Lê Thanh Giản	2	349	13.960.000		
54	Hòa Nam	Lê Thị Hồng Thúy	6	318	12.720.000		
55	Hòa Nam	Lê Thị Thủy	1	200	8.000.000		
56	Hòa Nam	Lê Thị Thương	13	595	23.800.000		
57	Hòa Nam	Nguyễn Văn Mận	4	342	13.680.000		
58	Hòa Nam	Nguyễn Đình Chung	11	490	19.600.000		
59	Hòa Nam	Nguyễn Hữu Trinh	17	826	33.040.000		

60	Hòa Nam	Nguyễn Thị Hương	12	584	23.360.000		
61	Hòa Nam	Nguyễn Văn Bảy	3	420	16.800.000		
62	Hòa Nam	Nguyễn Văn Hải	5	640	25.600.000		
63	Hòa Nam	Nguyễn Văn Thành	25	1473	58.920.000		
64	Hòa Nam	Nguyễn Văn Vinh	5	490	19.600.000		
65	Hòa Nam	Nguyễn Xuân Tùng	9	511	20.440.000		
66	Hòa Nam	Phạm Thị Hợi	2	190	7.600.000		
67	Hòa Nam	Phạm Thị Liên	32	2225	89.000.000		
68	Hòa Nam	Phan Trọng Dũng	1	72	2.880.000		
69	Hòa Nam	Tạ Văn Thịnh	2	190	7.600.000		
70	Hòa Nam	Trần Hữu Quyết	45	1422	56.880.000		
71	Hòa Nam	Trần Thị Thanh Hải	18	818	32.720.000		
72	Hòa Nam	Võ Thị Thuý Kiều	3	240	9.600.000		
Thôn Hoà Phú			**6**	**290**	**11.600.000**		
73	Hoà Phú	Lê Thị Thu	5	80	3.200.000		
74	Hoà Phú	Nguyễn Văn Thắng	1	210	8.400.000		
Thôn Hữu Nghị			**56**	**1.903**	**76.120.000**		
75	Hữu Nghị	Hoàng Thị Tương	18	690	27.600.000		
76	Hữu Nghị	Lê Phước Tuấn	20	728	29.120.000		
77	Hữu Nghị	Nguyễn Đức Tính	18	485	19.400.000		
Thôn Nhà Tài			**3**	**260**	**10.400.000**		
78	Nhà Tài	Trần Xuân Mãi	3	260	10.400.000		
Thôn Phú Thị Đông			**204**	**8.526**	**341.040.000**		
79	Phú Thị Đông	Cao Thị Lân	1	150	6.000.000		
80	Phú Thị Đông	Đặng Thị Xuân	9	540	21.600.000		

81	Phú Thị Đông	Đinh Như Chiến	13	480	19.200.000		
82	Phú Thị Đông	Đinh Như Quyết	3	150	6.000.000		
83	Phú Thị Đông	Nguyễn Duy Đông	3	150	6.000.000		
84	Phú Thị Đông	Nguyễn Như Thanh	11	240	9.600.000		
85	Phú Thị Đông	Nguyễn Thị Lý	3	180	7.200.000		
86	Phú Thị Đông	Nguyễn Thị Thu	19	950	38.000.000		
87	Phú Thị Đông	Nguyễn Văn Hùng	2	320	12.800.000		
88	Phú Thị Đông	Nguyễn Văn Thiều	15	796	31.840.000		
89	Phú Thị Đông	Phạm Thị Tuyết Sương	5	410	16.400.000		
90	Phú Thị Đông	Tô Quang Thính	9	360	14.400.000		
91	Phú Thị Đông	Trần Trọng Thành	20	645	25.800.000		
92	Phú Thị Đông	Võ Minh Hiếu	18	1020	40.800.000		
93	Phú Thị Đông	Võ Thị Thầm	14	275	11.000.000		
94	Phú Thị Đông	Võ Văn Dũng	9	430	17.200.000		
95	Phú Thị Đông	Võ Văn Đạt	5	210	8.400.000		
96	Phú Thị Đông	Võ Văn Lịch	29	670	26.800.000		
97	Phú Thị Đông	Võ Văn Tý	2	350	14.000.000		
98	Phú Thị Đông	Võ Văn Định	14	200	8.000.000		
Thôn Phúc Lâm			**529**	**27.700**	**1.108.000.000**		
99	Phúc Lâm	Bùi Thị Khánh	11	300	12.000.000		
100	Phúc Lâm	Dương Thị Lành	13	255	10.200.000		
101	Phúc Lâm	Đinh Thị Anh	15	423	16.920.000		
102	Phúc Lâm	Hà Thị Hằng	2	90	3.600.000		
103	Phúc Lâm	Hoàng Thị Thủy	2	150	6.000.000		
104	Phúc Lâm	Hồ Văn Ngọc	16	820	32.800.000		

105	Phúc Lâm	Lê Thị Hoa (Sơn)	5	870	34.800.000		
106	Phúc Lâm	Lê Thị Hoa (Hai)	10	485	19.400.000		
107	Phúc Lâm	Lê Thị Hường	22	325	13.000.000		
108	Phúc Lâm	Lê Văn Cát	17	190	7.600.000		
109	Phúc Lâm	Lê Văn Lộc	14	294	11.760.000		
110	Phúc Lâm	Lê Văn Lượng	10	165	6.600.000		
111	Phúc Lâm	Lê Viết Hà	11	510	20.400.000		
112	Phúc Lâm	Lê Viết Hào	80	4302	172.080.000		
113	Phúc Lâm	Mai Thị Sen	3	225	9.000.000		
114	Phúc Lâm	Ngô Quang Bình	3	51	2.040.000		
115	Phúc Lâm	Ngô Quang Linh	7	150	6.000.000		
116	Phúc Lâm	Ngô Hồng Thanh	5	180	7.200.000		
117	Phúc Lâm	Ngô Xuân Tuấn	3	310	12.400.000		
118	Phúc Lâm	Nguyễn Hữu Tuấn	3	385	15.400.000		
119	Phúc Lâm	Nguyễn Khắc Đồng	11	220	8.800.000		
120	Phúc Lâm	Nguyễn Khắc Lương	8	550	22.000.000		
121	Phúc Lâm	Nguyễn Khắc Phú	7	505	20.200.000		
122	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Hồng	2	450	18.000.000		
123	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Hồng (D)	2	140	5.600.000		
124	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Huế	2	145	5.800.000		
125	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Hương	4	390	15.600.000		
126	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Lý	1	250	10.000.000		
127	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Quyên	2	145	5.800.000		
128	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Tám	3	610	24.400.000		
129	Phúc Lâm	Nguyễn Thị Vân	2	65	2.600.000		

130	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Chương	5	350	14.000.000		
131	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Dưỡng	19	444	17.760.000		
132	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Hòa	3	260	10.400.000		
133	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Hoan	2	123	4.920.000		
134	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Mong	1	195	7.800.000		
135	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Phú	10	268	10.720.000		
136	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Tam	5	625	25.000.000		
137	Phúc Lâm	Nguyễn Văn Thuyết	1	25	1.000.000		
138	Phúc Lâm	Phạm Hữu Thọ	15	326	13.040.000		
139	Phúc Lâm	Phạm Văn Đồng	7	485	19.400.000		
140	Phúc Lâm	Phan Thị Châu	2	100	4.000.000		
141	Phúc Lâm	Tô Ngọc Cương	2	427	17.080.000		
142	Phúc Lâm	Tô Ngọc Lương	14	157	6.280.000		
143	Phúc Lâm	Tô Thị Loàn	6	210	8.400.000		
144	Phúc Lâm	Trần Thị Hoa	3	340	13.600.000		
145	Phúc Lâm	Trần Thị Hường	26	571	22.840.000		
146	Phúc Lâm	Trần Thị Luyến	1	200	8.000.000		
147	Phúc Lâm	Trần Văn Long	19	302	12.080.000		
148	Phúc Lâm	Trần Văn Lợi	3	245	9.800.000		
149	Phúc Lâm	Trần Văn Thành	9	390	15.600.000		
150	Phúc Lâm	Trần Văn Thuận	4	250	10.000.000		
151	Phúc Lâm	Trần Văn Toàn	3	510	20.400.000		
152	Phúc Lâm	Võ Duy Bá	2	305	12.200.000		
153	Phúc Lâm	Võ Duy Diệp	4	330	13.200.000		
154	Phúc Lâm	Võ Duy Duẫn	1	200	8.000.000		

155	Phúc Lâm	Võ Duy Hạnh	48	5062	202.480.000		
156	Phúc Lâm	Võ Duy Lực	10	375	15.000.000		
157	Phúc Lâm	Võ Duy Viên	2	120	4.800.000		
158	Phúc Lâm	Võ Duy Viết	5	390	15.600.000		
159	Phúc Lâm	Võ Thị Lan Anh	1	165	6.600.000		
Thôn Quảng Xá			**58**	**4.742**	**189.680.000**		
160	Quảng Xá	Lê Thị Luyện	9	1080	43.200.000		
161	Quảng Xá	Nguyễn Thị Thu Hà	33	2000	80.000.000		
162	Quảng Xá	Trần Thị Bảo	15	1492	59.680.000		
163	Quảng Xá	Võ Văn Tý	1	170	6.800.000		
Thôn Sa Bắc			**67**	**5.476**	**219.040.000**		
164	Sa Bắc	Hà Thị Thúy	1	80	3.200.000		
165	Sa Bắc	Lê Đa Hoàng	1	200	8.000.000		
166	Sa Bắc	Lê Đa Nam	2	50	2.000.000		
167	Sa Bắc	Lê Thị Én	1	200	8.000.000		
168	Sa Bắc	Lê Thị Tuyết	3	135	5.400.000		
169	Sa Bắc	Lê Văn Đông	2	340	13.600.000		
170	Sa Bắc	Lê Văn Nam	1	80	3.200.000		
171	Sa Bắc	Lê Văn Sơn	2	130	5.200.000		
172	Sa Bắc	Nguyễn Cữu Khánh	1	80	3.200.000		
173	Sa Bắc	Nguyễn Đức Liễm	32	2426	97.040.000		
174	Sa Bắc	Nguyễn Thị Hồng	2	350	14.000.000		
175	Sa Bắc	Phạm Văn Dũng	1	180	7.200.000		
176	Sa Bắc	Võ Thị Thảo	3	270	10.800.000		
177	Sa Bắc	Võ Trực Mãn	2	100	4.000.000		

178	Sa Bắc	Võ Trực Thiêm	7	335	13.400.000		
179	Sa Bắc	Võ Văn Phương	2	140	5.600.000		
180	Sa Bắc	Võ Xuân Trường	3	180	7.200.000		
181	Sa Bắc	Lê Khánh Vinh	1	200	8.000.000		
Thôn Sa Nam			**291**	**13.987**	**559.480.000**		
182	Sa Nam	Hồ Ngọc Đoài	1	230	9.200.000		
183	Sa Nam	Hồ Ngọc Sơn	1	190	7.600.000		
184	Sa Nam	Hồ Thị Lựu	2	80	3.200.000		
185	Sa Nam	Lê Đa Vinh	15	1762	70.480.000		
186	Sa Nam	Lê Phước Dương	6	160	6.400.000		
187	Sa Nam	Lê Phước Duệ	6	630	25.200.000		
188	Sa Nam	Lê Phước Linh	5	410	16.400.000		
189	Sa Nam	Lê Phước Thiềng	3	260	10.400.000		
190	Sa Nam	Lê Phước Trí	3	370	14.800.000		
191	Sa Nam	Lê Thị Hiếu	1	70	2.800.000		
192	Sa Nam	Lê Thị Chương	6	380	15.200.000		
193	Sa Nam	Lê Thị Hoan	25	747	29.880.000		
194	Sa Nam	Lê Thị Khương	2	60	2.400.000		
195	Sa Nam	Lê Thị Phúc	1	70	2.800.000		
196	Sa Nam	Lê Thi Tuyên	2	80	3.200.000		
197	Sa Nam	Lê Văn Bường	3	230	9.200.000		
198	Sa Nam	Lê Văn Cường	5	300	12.000.000		
199	Sa Nam	Lê Văn Long	13	1150	46.000.000		
200	Sa Nam	Lê Văn Phú	5	175	7.000.000		
201	Sa Nam	Nguyễn Đình Sơn	11	1150	46.000.000		

202	Sa Nam	Nguyễn Sinh Thiên	2	180	7.200.000		
203	Sa Nam	Nguyễn Thị Xuân	1	30	1.200.000		
204	Sa Nam	Nguyễn Văn Định	15	208	8.320.000		
205	Sa Nam	Nguyễn Phúc	23	430	17.200.000		
206	Sa Nam	Nguyễn Văn Tý	3	170	6.800.000		
207	Sa Nam	Trần Thị Huế	2	490	19.600.000		
208	Sa Nam	Võ Trực Hùng	18	220	8.800.000		
209	Sa Nam	Võ Trực Phong	10	350	14.000.000		
210	Sa Nam	Võ Văn Cát	2	80	3.200.000		
211	Sa Nam	Hoàng Văn Thương	19	768	30.720.000		
212	Sa Nam	Lê Văn Tú	16	278	11.120.000		
213	Sa Nam	Lê Văn Định	1	150	6.000.000		
214	Sa Nam	Lê Phước Hưng (H)	8	150	6.000.000		
215	Sa Nam	Hồ Ngọc Tuyên	24	468	18.720.000		
216	Sa Nam	Hồ Ngọc Lý	3	480	19.200.000		
217	Sa Nam	Hồ Ngọc Hoài	1	40	1.600.000		
218	Sa Nam	Lê Phước Hưng	1	180	7.200.000		
219	Sa Nam	Điền Thị Mỳ	18	489	19.560.000		
220	Sa Nam	Hồ Thị Vưn	7	182	7.280.000		
221	Sa Nam	Lê Đình Thi	1	140	5.600.000		
Thôn Tân Lập			**245**	**22.909**	**916.360.000**		
222	Tân Lập	Lâm Thị Cúc	2	235	9.400.000		
223	Tân Lập	Nguyễn Thị Huyền Nhung	240	22304	892.160.000		
224	Tân Lập	Trần Thị Huệ	1	250	10.000.000		
225	Tân Lập	Trần Văn Phương	2	120	4.800.000		

Thôn Thành Công			**8**	**525**	**21.000.000**		
226	Thành Công	Phan Đình Dũng	8	525	21.000.000		
Thôn 5			**3**	**540**	**21.600.000**		
227	Thôn 5	Đoàn Văn Hướng	2	370	14.800.000		
228	Thôn 5	Cao Thị Vịnh	1	170	6.800.000		
Thôn 7			**311**	**26.260**	**1.050.400.000**		
229	Thôn 7	Hồ Thị Huyền	31	2334	93.360.000		
230	Thôn 7	Hồ Thị Thương	1	128	5.120.000		
231	Thôn 7	Hồ Thị Tú	1	120	4.800.000		
232	Thôn 7	Lê Quang Qúy	15	1908	76.320.000		
233	Thôn 7	Lê Thanh Bình	2	270	10.800.000		
234	Thôn 7	Lê Thị Giang	2	105	4.200.000		
235	Thôn 7	Lê Thị Hiền	48	2900	116.000.000		
236	Thôn 7	Lê Thị Phương	29	3697	147.880.000		
237	Thôn 7	Lưu Thị Hoa	1	100	4.000.000		
238	Thôn 7	Nguyễn Anh Lâm	13	1527	61.080.000		
239	Thôn 7	Nguyễn Thị Giang	32	3787	151.480.000		
240	Thôn 7	Nguyễn Thị Hồng	130	8944	357.760.000		
241	Thôn 7	Nguyễn Thị Vân	2	200	8.000.000		
242	Thôn 7	Đoàn Thị Luyên	2	70	2.800.000		
243	Thôn 7	Hồ Văn Đỉnh	2	170	6.800.000		
Thôn 8			**140**	**12.298**	**491.920.000**		
244	Thôn 8	Bùi Thị Xuân	58	4989	199.560.000		
245	Thôn 8	Lê Lợi	24	2506	100.240.000		
246	Thôn 8	Nguyễn Văn Thắm	2	365	14.600.000		

247	Thôn 8	Phan Xuân Hoà	10	900	36.000.000		
248	Thôn 8	Trần Thị Thanh	16	632	25.280.000		
249	Thôn 8	Nguyễn Thị Bích Chính	30	2906	116.240.000		
Thôn 9			**31**	**3.099**	**123.960.000**		
250	Thôn 9	Hoàng Huy Đông	3	160	6.400.000		
251	Thôn 9	Ngô Đức Cành	28	2939	117.560.000		
Thôn Trung Lập			**60**	**4.378**	**175.120.000**		
252	Trung Lập	Dương Ngọc Đức	14	930	37.200.000		
253	Trung Lập	Dương Ngọc Lâm	2	480	19.200.000		
254	Trung Lập	Đỗ Giảng	9	1044	41.760.000		
255	Trung Lập	Nguyễn Thị Huế	27	894	35.760.000		
256	Trung Lập	Nguyễn Văn Dẫn	4	850	34.000.000		
257	Trung Lập	Trần Văn Thành	4	180	7.200.000		
Thôn Vĩnh Tiến			**156**	**11.145**	**445.800.000**		
258	Vĩnh Tiến	Lê Đức Hiếu	5	420	16.800.000		
259	Vĩnh Tiến	Ngô Minh Phong	13	250	10.000.000		
260	Vĩnh Tiến	Nguyễn Thị Hải	33	1939	77.560.000		
261	Vĩnh Tiến	Nguyễn Thị Luận	12	564	22.560.000		
262	Vĩnh Tiến	Nguyễn Thị Lý	9	260	10.400.000		
263	Vĩnh Tiến	Nguyễn Thị Thương	3	750	30.000.000		
264	Vĩnh Tiến	Thái Thị Oanh	1	60	2.400.000		
265	Vĩnh Tiến	Trần Quốc Chương	1	120	4.800.000		
266	Vĩnh Tiến	Trần Thị Én	3	310	12.400.000		
267	Vĩnh Tiến	Trần Thị Hường	15	130	5.200.000		
268	Vĩnh Tiến	Trần Thị Liễu	1	230	9.200.000		

269	Vĩnh Tiến	Trần Thị Nhàn	3	210	8.400.000		
270	Vĩnh Tiến	Trần Thị Thơ	3	810	32.400.000		
271	Vĩnh Tiến	Trương Thị Loan	44	4127	165.080.000		
272	Vĩnh Tiến	Trương Thúy Uyên	5	445	17.800.000		
273	Vĩnh Tiến	Võ Thị Cẩm Nhung	5	520	20.800.000		
Thôn Xóm Mội			**148**	**9.961**	**398.440.000**		
274	Xóm Mội	Dương Thị Bông	4	320	12.800.000		
275	Xóm Mội	Dương Thị Diệp	6	640	25.600.000		
276	Xóm Mội	Dương Văn Thắng	18	1741	69.640.000		
277	Xóm Mội	Hà Thị Nhàn	3	400	16.000.000		
278	Xóm Mội	Hoàng Thị Hằng	19	1600	64.000.000		
279	Xóm Mội	Hoàng Văn Bình	1	140	5.600.000		
280	Xóm Mội	Lê Quang Lam	1	80	3.200.000		
281	Xóm Mội	Lê Thị Hoa	6	390	15.600.000		
282	Xóm Mội	Nguyễn Thị Đào	6	170	6.800.000		
283	Xóm Mội	Nguyễn Thị Tâm	3	380	15.200.000		
284	Xóm Mội	Trần Đức Doàn	1	200	8.000.000		
285	Xóm Mội	Trần Thị Hợi	6	1000	40.000.000		
286	Xóm Mội	Trần Thị Lan	61	2010	80.400.000		
287	Xóm Mội	Trần Văn Đồng	3	410	16.400.000		
288	Xóm Mội	Trần Văn Khanh	8	250	10.000.000		
289	Xóm Mội	Trần Văn Lành	1	130	5.200.000		
290	Xóm Mội	Dương Thị Liễm	1	100	4.000.000		